



STATE of KNOWLEDGE

Ảnh hưởng của Trung Quốc đối với phát triển thủy điện ở lưu vực sông Lancang và hạ lưu vực sông Mê Công

Compiled by: Nathaniel Matthews and Stew Motta

Tại sao Trung Quốc phát triển thủy điện trên lưu vực sông Lancang và hạ lưu vực sông Mê Công?

Trung Quốc là nước xây dựng thủy điện dẫn đầu trên thế giới. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ 12 (2011-2015), Trung Quốc thông báo ý định mở rộng hơn nữa công suất thủy điện bằng cách phát triển 8 vùng thủy điện với trên 60 dự án thủy điện quy mô lớn, đưa tổng công suất lắp máy thủy điện trên toàn quốc đạt 284 GW (GEV 2011).

Một thành phần quan trọng trong phát triển thủy điện trong nước và chiến lược năng lượng của Trung Quốc là xây dựng bậc thang Lancang, nằm ở tỉnh Vân Nam. Sông Lancang¹ (Lan Thương), được biết đến là sông Mê Công nằm ở biên giới phía nam của Trung Quốc, có tiềm năng thủy điện 30.000 MW. Để khai thác tiềm năng này, chính phủ Trung Quốc có kế hoạch phát triển một bậc thang gồm 8 đập trên dòng chính sông Lancang, trong đó hiện nay có 5 đập đã vận hành. Khi hoàn thành, các đập này có khả năng sản xuất ra 15.720 MW chiếm 52,4% tiềm năng thủy điện của Lancang (Grumbine, Dore và Xu, 2012). Ngoài ra có 20 đập khác được quy hoạch hoặc đang xây dựng trên các nhánh của Lancang (Kummu và Varis 2007).

Thông qua việc cung cấp điện giá rẻ, phát triển thủy điện trên sông Lancang tạo cơ hội cho phát triển kinh tế ở cả hai thành phố công nghiệp của Trung Quốc là Côn Minh và Quảng Châu. Thủy điện là một trong 5 trụ cột của nền kinh tế Vân Nam. Đây được xem là một nguồn năng lượng sạch và là một thành phần quan trọng làm giảm sự phụ thuộc nặng nề của Trung Quốc vào nhiên liệu hóa thạch và phát thải CO₂, hiện đã cao nhất thế giới. Theo số liệu thống kê nhanh của ngành Công nghiệp điện quốc gia, công suất lắp

máy thủy điện của Trung Quốc năm 2010 chiếm 22,18% tổng cung năng lượng của đất nước.

Tuy nhiên, ảnh hưởng của thủy điện của Trung Quốc không chỉ giới hạn ở Lancang. Trung Quốc cũng là nước tham gia chính trong phát triển thủy điện ở hạ lưu vực Mê Công. Thông qua nhiều công ty như Công ty Điện và Nước Quốc tế Trung Quốc, Hydro Lancang và Sinohydro, Trung Quốc đang hoạt động ở hàng tá đập ở hạ lưu vực, kể cả đập mới được thông báo gần đây là hạ lưu Sê San 2 (400 MW) ở Campuchia. Những đập này tạo cơ hội cho Trung Quốc xuất khẩu kinh nghiệm chuyên môn, tăng ảnh hưởng chính trị, phát triển các liên kết thương mại và tăng lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Đối với các nước chủ nhà, các dự án này tạo ra các cú bơm tài chính lớn cho nền kinh tế quốc gia mà vẫn tạo ra cơ sở hạ tầng và điện. Do vậy, những đập này được các nhà phát triển Trung Quốc gọi là các dự án ‘đôi bên cùng thắng’.

Kết luận: Bậc thang Lancang là một thành phần quan trọng trong các kế hoạch phát triển nguồn năng lượng rẻ, tái tạo, các bon thấp của Trung Quốc để đáp ứng nhu cầu điện trong nước đang tăng lên. Phát triển thủy điện ở hạ lưu vực tạo cơ hội để Trung Quốc tăng ảnh hưởng chính trị và kinh tế ở lưu vực và để các DNNN tăng lợi nhuận và xuất khẩu kinh nghiệm chuyên môn về thủy điện.

Lịch sử phát triển thủy điện trên sông Lancang

Phát triển thủy điện trên sông Lancang được bắt đầu sớm từ năm 1956, khi Công ty Kỹ thuật thủy điện Côn Minh của Trung Quốc (HCKEC) bắt đầu khảo sát tuyến. Từ 1957-58, HCKEC đã xác định 21 tuyến thủy điện tiềm năng dọc sông,

1 - Lancang được dùng để chỉ sông Lancang trong phần còn lại của tài liệu này.

kể cả quy hoạch lớn cho tuyến đập Xiaowan. Tình hình bất ổn về kinh tế và chính trị do cuộc đại nhảy vọt và Cách mạng văn hóa gây ra khiến cho quy hoạch thủy điện tiếp theo bị tạm hoãn đến tận cuối những năm 1960.

Sau nhiều nghiên cứu, năm 1988, việc thi công bắt đầu tại đập Manwan, đây là đập đầu tiên trên dòng chính Lancang-Mekong, mà không có thông báo chính thức cho các quốc gia ở hạ lưu. Trong thời gian từ 1990 đến 2000, phát triển thủy điện của Trung Quốc trên sông Lancang tiến triển rất nhanh. Đến năm 2008, 4 đập trên dòng chính đã đi vào vận hành, gồm: đập Manwan (Mãn Loan) (1.550 MW) vận hành từ năm 1992; đập Dachashan (Đại Triều Sơn) (1.350 MW) vận hành năm 2003, đập Jinghong (Cảnh Hồng) (1.750 MW) năm 2008 và đập Xiaowan (Tiểu Loan) (4.200 MW) năm 2010. Đến tháng 6 năm 2013, đập Nuozhadu (Noa Trát Đô) (5.850 MW) đang vận hành nhưng chưa chạy hết tất cả các tổ máy và đập Gongguoqiao (Công Quả Kiều) (750 MW) đang xây dựng.

Sự phát triển nhanh chóng trên sông Lancang sau năm 2000 trùng hợp với việc thành lập Tập đoàn phát triển thủy điện Lancang của Vân Nam (YLHDC) năm 2001. Trước năm 2001, trách nhiệm phát triển sông Lancang được chia sẻ giữa Ủy ban quy hoạch phát triển tổng hợp sông của tỉnh Vân Nam, Bộ Năng lượng và Tập đoàn đầu tư năng lượng Trung Quốc. Năm 2001, YLHDC được giao toàn trách nhiệm phát triển bậc thang sông Lancang. Năm 2002, YLHDC được đổi tên thành Công ty thủy điện sông Lancang Huaneng (HLHC).

HLHC là một công ty cổ phần của Tập đoàn Huaneng Trung Quốc (CHG), Tập đoàn Hongta (HG) và Tập đoàn Đầu tư Vân Nam (YIC). CHG là một tập đoàn nhà nước thuộc sự quản lý của Chính phủ Trung ương Trung Quốc và là một trong 5 tập đoàn lớn nhất trong ngành thủy điện. HG là một tập đoàn nhà nước liên kết với Tập đoàn Thuốc lá Trung Quốc (China Tobacco). HG kiểm soát một số nhãn hiệu thuốc lá lớn nhất của Vân Nam và có danh mục đầu tư ngày càng mở rộng gồm năng lượng, xây dựng, chứng khoán, sản xuất giấy, dược phẩm, hóa chất chiếu sáng và bệnh viện. Trong Báo cáo về các doanh nghiệp mạnh nhất Trung Quốc năm 2010, HG được xếp hàng đầu ở Vân Nam và đứng thứ 104 trên toàn quốc (ETMOC 2010). YIC là một tập đoàn đầu tư của Chính phủ tỉnh Vân Nam.

Kết luận: Phát triển nhanh chóng bậc thang Lancang sau năm 2000 trùng hợp với sự chuyển giao trách nhiệm từ Ủy ban quy hoạch phát triển tổng hợp sông Lancang của tỉnh Vân Nam, Bộ Năng lượng và Tập đoàn Đầu tư Năng lượng Trung Quốc sang Tập đoàn Thủy điện sông Lancang (HLHC). HLHC là một đoàn mạnh của nhà nước với lĩnh vực đầu tư đa dạng.

Ý nghĩa của phát triển thủy điện sông Lancang đối với chính trị, kinh tế và môi trường ở hạ du?

2 - Mùa khô ở Thái Lan thường bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 5.

Bất chấp mối liên hệ về chính trị, kinh tế và môi trường của Trung Quốc với vùng hạ lưu vực, tất cả các đập hiện có trên sông Lancang đều được hoàn thành một cách đơn phương, không có tham vấn với các quốc gia ở hạ lưu. Điều này đã gây ra sự phản đối của các nước ở hạ lưu. Đỉnh điểm của sự phản đối diễn ra trong mùa khô² năm 2010, khi mực nước trên dòng chính trên sông Mê Công ở hạ lưu Trung Quốc giảm mạnh, trùng với thời điểm tích nước ở các đập trên sông Lancang (Hirsch 2010). Trung Quốc cho rằng mực nước hạ thấp là do kiểu khí hậu thường khô chứ không phải do các đập gây ra và đã cải thiện đối thoại với các quốc gia ở hạ lưu sông.

Theo Goh (2009), phát triển bậc thang Lancang của Trung Quốc có hậu quả chính trị và sinh thái đối với các cộng đồng ở hạ lưu. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn duy trì quan điểm cho rằng “mọi hành động Trung Quốc thực hiện để khai thác tiềm năng sông Mê Công đều chỉ đơn thuần là vấn đề nội bộ” (Dupont 2001:129).

Tuy vậy, sự phản đối mạnh mẽ của các nước hạ lưu năm 2010 đã khiến Trung Quốc phải tuyên bố ngay rằng bất kỳ phát triển thủy điện nào trên đoạn sông này sẽ xem xét cẩn thận tác động đối với hạ lưu (China Daily 2012). Trung Quốc tuyên bố thêm rằng lợi ích của các con đập sẽ gồm chống lũ và cải thiện sử dụng nước và quản lý hạn ở hạ lưu bằng cách trữ nước trong mùa mưa và xả trong mùa khô (China Daily 2012). Trung Quốc có rất nhiều luật điều chỉnh phát triển thủy điện, trong đó có Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Đánh giá Tác động Môi trường, Luật Nước của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC), Luật bảo tồn đất và nước của PRC và các quy định của PRC về tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, những luật này có ít hoặc không có điều khoản nào nói về tác động xuyên biên giới của các đập thủy điện. dù vậy, nhiều nghiên cứu cho thấy bậc thang đập thủy điện của Trung Quốc sẽ làm giảm mực nước tại thành phố Viêng Chăn ở Lào tới khoảng 30%, làm tăng xâm nhập mặn ở châu thổ và cản trở dòng phù sa có ý nghĩa sống còn xuống hạ du, điều này có thể gây những tác động sâu rộng đến thủy sản, nông nghiệp và sinh kế trên khắp hạ lưu vực (Kummu và Varis 2007; Räsänen và cộng sự, 2012; vv).

Tiêu lưu vực sông Lancang là nguồn phù sa chính cho lưu vực sông Mê Công. Gần ½ chiều dài sông Mê Công chảy qua đất Trung Quốc, đóng góp 35% lượng dòng chảy mùa khô và trên 55% lượng phù sa, do vậy có ý nghĩa sống còn đối với các hệ sinh thái trên toàn lưu vực (Kummu và Varis 2007; Thông tin cơ bản về trầm tích sông Mê Công, Hiện trạng tri thức của CPWF, 2013). Thủy văn sông Mê Công có đặc điểm có biên độ lũ lớn, đầy dòng phù sa dồi dào trên hệ thống sông trong mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 10. Nguồn dinh dưỡng này hỗ trợ các dịch vụ sinh thái và sản xuất nông nghiệp của khu vực, đây lại là những nguồn sinh kế chính của khu vực (Kummu và Varis, 2007). Ước tính về lý thuyết bậc thang 8 bậc thủy điện này có khả năng giữ lại khoảng 94% lượng phù sa (Kummu và Varis, 2007).

Lắng đọng trầm tích trong các hồ chứa cũng là một xem xét quan trọng đối với các nhà quy hoạch đập vì nó làm giảm tuổi thọ và công suất vận hành của các đập do ảnh hưởng đến dung tích trữ nước. Tỷ lệ xói mòn ở lưu vực sông Lancang từ trước đến giờ vẫn rất cao, điều này có ảnh hưởng đến tuổi thọ các đập của Trung Quốc trên đoạn sông này. Tải lượng trầm tích tại đập Manwan rất cao, có tài liệu nói là 1,21 kg/m³ (Plinston và Damming, 1999:238). Nếu không can thiệp, dung tích chết của hồ Manwan có thể bị đầy trong vòng 15-20 năm, nhưng việc xây dựng đập Xiaowan ở thượng lưu đã kéo dài tuổi thọ của đập này nhờ hiệu quả giữ phù sa của đập Xiaowan (tài liệu đã dẫn).

Lắng đọng trầm tích cũng có thể gây hại cho các tổ máy thủy điện trong khi các tổ máy này rất đắt và phải mất nhiều thời gian để sửa chữa. Có thể lắp các cửa xả cát để xả bùn cát xuống hạ du đập, nhưng các cửa này phải được đưa vào từ đầu giai đoạn thi công, tốn kém và có thể làm giảm tiềm năng thủy điện của dự án. (Xem Thông tin cơ bản về trầm tích sông Mê Công của CPWF để biết thêm chi tiết).

Về mặt chính trị, bậc thang thủy điện sông Lancang cho phép Trung Quốc kiểm soát được lượng nước chảy về hạ lưu vực. Điều này cực kỳ quan trọng đối với sinh kế, an ninh lương thực và kinh tế của Lào, Campuchia và Việt Nam. Räsänen và cộng sự (2012) thấy rằng bậc thang Lancang đã làm tăng lưu lượng mùa khô lên 34-155% và giảm lưu lượng mùa mưa khoảng 29-36%, do đó làm thay đổi thời gian và độ lớn của biên độ lũ trên sông. Tác động của các con đập hiện nay đối với thủy sản và thủy văn, ở cả lưu vực và châu thổ vẫn còn chưa hiểu rõ, nhưng chắc chắn sẽ được các quốc gia ở hạ lưu theo dõi chặt chẽ trong những năm tới.

Hiện nay, không có thỏa thuận chính thức nào giữa Trung Quốc và chính phủ các quốc gia ở hạ lưu về quản lý lưu vực. Trung Quốc có ‘hiện trạng đối thoại’ với Ủy hội sông Mê Công quốc tế (MRC), tổ chức lưu vực sông (RBO) chính ở khu vực, trong đó Trung Quốc chia sẻ số liệu thủy văn của sông Lancang, nhưng đã từ chối lời mời tham gia là thành viên. Bất kể quan điểm của Trung Quốc rằng bậc thang Lancang là vấn đề quốc gia mà Trung Quốc thường không sẵn sàng thảo luận, Trung Quốc tiếp tục xây dựng chính sách phát triển thủy điện với các quốc gia hạ lưu dựa trên tình hình ‘hòa bình’ và ‘đôi bên cùng thắng’.

Chính phủ các nước hạ lưu đã miễn cưỡng để Trung Quốc tham gia vào đánh giá tác động của bậc thang Lancang do quyền lực chính trị và quân sự tương đối của Trung Quốc cũng như do đầu tư và viện trợ lớn của nước này ở hạ lưu vực.

Kết luận: Trung Quốc cho rằng phát triển thủy điện của mình là có lợi cho cả Trung Quốc và các nước hạ lưu vực sông Mê Công. Bậc thang Lancang cản trở vận chuyển phù sa trên khắp lưu vực và cho phép Trung Quốc kiểm soát dòng chảy mùa khô. Điều này có ý nghĩa chính trị, kinh tế

và sinh thái lớn đối với các quốc gia ở hạ lưu. Trung Quốc đã tăng tính minh bạch và chia sẻ số liệu với các quốc gia ở hạ lưu, nhưng hiện không có thỏa thuận chính thức nào về quản lý lưu vực.

Thủy điện ở Trung Quốc có ảnh hưởng gì đối với hạ lưu vực Mê Công?

Trong thập kỷ vừa qua, vai trò nhà tài phiệt và nhà phát triển đập của Trung Quốc ở hạ lưu vực Mê Công đã tăng lên rất nhanh. Những động lực chính cho sự bùng nổ phát triển thủy điện gần đây của Trung Quốc phải kể đến quan hệ quốc tế chặt chẽ hơn với các nước láng giềng, mở rộng thị trường cho các DNNN mới nổi, an ninh năng lượng, mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và tăng chi phí của các vấn đề xã hội và môi trường trong nước. Từ năm 2000 đến nay, Bắc Kinh đã ủng hộ việc tăng ảnh hưởng ở khu vực qua các chính sách khuyến khích đầu tư ra nước ngoài.

Trung Quốc đang tích cực cải thiện và tăng cường mối quan hệ với cả khu vực Đông Nam Á và đặc biệt là hạ lưu vực sông Mê Công vì có chung biên giới đất liền. Các mối quan hệ được cải thiện sẽ giúp Trung Quốc củng cố quyền lực ở xung quanh nước mình vì cả lý do an ninh và kinh tế của nước này. Sau mâu thuẫn với Việt Nam năm 1979, chấm dứt quan hệ với Lào từ năm 1979 đến 1999 và ủng hộ Khơ me đỏ ở Campuchia, Trung Quốc có rất nhiều việc phải làm để lấy lại lòng tin từ các nước láng giềng trong khu vực. Mãi đến năm 2000, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Lào và Campuchia mới được bình thường hóa khi Chủ tịch Giang Trạch Dân trở thành Chủ tịch đầu tiên của Trung Quốc sang thăm 2 nước này (Thayer 2001).

Tuy nhiên, việc chuyển từ thù sang bạn rất ấn tượng và hợp thời, chủ yếu do các sáng kiến chính trị và kinh tế của Trung Quốc trong thập kỷ vừa qua. Một số thay đổi chính trị đáng nói nhất gồm:

- Quyết định không phá giá đồng nhân dân tệ của Trung Quốc trong cuộc khủng hoảng tài chính châu Á mà thay vào đó là cung cấp hỗ trợ tài chính, (chỉ riêng Thái Lan đã nhận được trên 1 tỉ đô la Mỹ; Halloran 1998).
- ‘Chính sách hướng ngoại’ của Trung Quốc, được khởi xướng từ Kế hoạch 5 năm lần thứ 10 (2001-2005) và tạo cơ sở cho đầu tư trực tiếp của Trung Quốc ở nước ngoài.
- Trung Quốc, Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam tất cả đều đã được chấp nhận là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới.
- Việc soạn thảo và ký kết Hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN và Trung Quốc (CAFTA) ngày 1/1/2002 đã tạo ra khu vực thương mại tự do lớn thứ ba trên thế giới (Tong 2010).
- Trung Quốc cũng là nước xung kích đi đầu trong Sáng kiến Chiang Mai, tập trung vào an ninh tiền tệ trong khu vực vào đầu những năm 2000.
- Chương trình Tiểu vùng Mê Công mở rộng của Ngân hàng phát triển châu Á cũng thúc đẩy sự kết nối chặt chẽ

hơn thông qua các mạng lưới lớn về các dự án cơ sở hạ tầng trong khu vực (Cronin 2012).

Những chính sách này phản ánh sự quá độ của Bắc Kinh hướng tới hợp tác kinh tế khu vực và chứng tỏ tham vọng của nước này trong việc mở ra các thị trường mới, chống lại ảnh hưởng của phương Tây trong khu vực và xây dựng quốc gia này trở thành nước dẫn đầu ở cả Đông Nam Á và trên toàn cầu. Các chính sách này rất hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu đó và cũng cung cấp cho các quốc gia LMB một lựa chọn khác thay cho đầu tư của phương Tây mà thường có điều kiện cao.

Các sáng kiến chính trị của Bắc Kinh ở LMB cải thiện nổi bật sau theo động lượng của kinh tế thịnh vượng của Trung Quốc. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Myanmar, Việt Nam, và Lào, là đối tác lớn thứ hai của Thái Lan và đối tác lớn thứ ba của Campuchia (Gronholt-Pederson 2013; Chen Y.W. 2012; Heng 2012). Nếu tính riêng từng nước, năm 2010 giá trị thương mại của Trung Quốc với Thái Lan là 46,0 tỉ đô la Mỹ, với Việt Nam là 27,3 tỉ đô la Mỹ, với Myanmar là 4,7 tỉ đô la Mỹ, với Campuchia là 1,3 tỉ đô la Mỹ, và với Lào là 1 tỉ đô la Mỹ. Trung Quốc cũng xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng của Campuchia và là nhà cung cấp viện trợ và đầu tư nước ngoài lớn nhất ở nước này. Các chương trình viện trợ của Trung Quốc cho Lào, Campuchia và Myanmar hiện còn lớn hơn cả viện trợ của Mỹ (Kurlantzick 2007). Để hiểu được chính xác ảnh hưởng của Trung Quốc đối với LMB thì cần xem xét thương mại, viện trợ và đầu tư theo cả gói chứ không theo từng sáng kiến riêng rẽ. Urban và cộng sự (2013:312) mô tả những yếu tố này kết hợp với nhau trong các thương vụ ở LMB:

Do vậy, Trung Quốc thường gộp cả viện trợ, thương mại và đầu tư, ví dụ bằng cách cung cấp cả đầu tư và vốn vay ưu đãi để xây dựng đập và kết nối các khoản này với xuất khẩu điện kèm theo nhập khẩu hàng hóa chế tạo của Trung Quốc và làm ăn thương mại với các công ty Trung Quốc.

Phát triển thủy điện của Trung Quốc ở LMB đem lại nhiều lợi ích hơn cho an ninh năng lượng nếu so với các dự án xây dựng đập ở nước ngoài. Một trong những điểm khác biệt chủ yếu giữa phát triển thủy điện của Trung Quốc ở LMB và các dự án ở châu Phi hoặc Nam Mỹ là sự kết nối với mạng điện của Trung Quốc. Khoảng cách gần với LMB cho phép nhập khẩu điện vào các trung tâm đô thị đang tăng trưởng nhanh của Trung Quốc (Urban và cộng sự, 2013). An ninh năng lượng là mối quan ngại lớn đối với các nhà ra quyết định của Trung Quốc, những người đặt ra mục tiêu đạt tỉ lệ 15% năng lượng từ nhiên liệu không hóa thạch đến năm 2015, trong đó dự kiến ½ là từ thủy điện (CEP 2012). Những mục tiêu năng lượng rất cao được vạch ra trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 12 (2011-2015) đã hối thúc làn sóng các dự án bậc thang và xây dựng đập lớn. Ở LMB hiện đang đẩy lên một loạt các dự án đập lớn, chỉ riêng mình các công ty Trung Quốc đã có hơn 50 đập lớn (trên 50 MW) đang

xây dựng và nhiều dự án khác vẫn đang trong giai đoạn đề xuất (Urban và cộng sự, 2013).

Hiện nay, số đập thủy điện lớn của Trung Quốc trong khu vực như sau: Myanmar 30, Lào 13, Campuchia 7, Việt Nam 3 và Thái Lan có một số đập của Trung Quốc, nhưng không có dự án nào trên 50 MW (Urban và cộng sự, 2013). Những dự án này được tài trợ, phát triển, xây dựng và chủ yếu cho các DNNN của Trung Quốc thầu. Sinohydro tham gia vào ít nhất một trong số các vai trò đó trong 30% dự án đập lớn ở LMB, và quản lý tài trợ, phát triển và xây dựng của 5 trong số 13 đập lớn của Trung Quốc ở Lào (Urban và cộng sự, 2013). Các DNNN như Sinohydro thường có năng lực, quy mô lớn hơn, được hậu thuẫn chính trị mạnh hơn, có nhiều kinh nghiệm trong các dự án xây dựng trong nước hơn, và thường có thể xây đập với chi phí thấp hơn các đối thủ cạnh tranh (McDonald và cộng sự, 2009). Những dự án quy mô lớn này thường phải được cấp cao nhất của chính phủ ở Bắc Kinh và các quốc gia LMB phê duyệt, do đó mối quan hệ với nhà nước sẽ là lợi thế. Ở LMB, hầu hết các dự án đập lớn đều có sự tham gia của các DNNN từ những công ty lớn nổi tiếng trên toàn cầu, nhưng Myanmar lại ngược lại với nhiều công ty nhỏ hơn nhiều và ít nổi tiếng vận hành các dự án này (Urban và cộng sự, 2013).

Kết luận: Quy mô lớn của các dự án đập của Trung Quốc ở LMB là kết quả của các mục tiêu chính trị, kinh tế, an ninh năng lượng và giảm phát thải khi nhà kính. Tất cả các dấu hiệu đều cho thấy sẽ tăng xây dựng đập và hợp tác kinh tế “trộn gói” thông qua các DNNN lớn trong những năm tới đây. Một câu hỏi quan trọng là các DNNN của Trung Quốc sẽ quản lý các tác động xã hội và môi trường khó giải quyết của các dự án này như thế nào ở LMB.

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc về xã hội và môi trường liên quan đến thủy điện như thế nào?

Trung Quốc đã nhiều lần tuyên bố nước này tuân thủ luật pháp và chính sách của các nước mà Trung Quốc đầu tư và phát triển dự án. Những chính sách này bao gồm cả chính sách không can thiệp vào công việc nội bộ, điều này đã gây ra nhiều chỉ trích từ xã hội dân sự do thiếu bảo vệ xã hội và môi trường (xem WWF, 2008 và Tổ chức Sông ngòi quốc tế, 2012). Năm 2012, có lẽ để đáp lại những lời chỉ trích này và mối lo ngại của Trung Quốc về danh tiếng của mình, Ủy ban điều hành ngân hàng Trung Quốc đã sửa đổi Hướng dẫn Tín dụng Xanh, trong đó quy định hiệu quả môi trường của các ngân hàng Trung Quốc. Những hướng dẫn này quy định các ngân hàng phải cải thiện công tác quản lý rủi ro môi trường và xã hội của các dự án ở nước ngoài và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.

Bước tiếp theo trong quản lý môi trường được thực hiện khi tháng 2/2013 Bộ Thương mại và Bộ Bảo vệ Môi trường công bố Hướng dẫn về Bảo vệ Môi trường trong Đầu tư và Hợp tác nước ngoài. Những hướng dẫn này khuyến khích các công ty Trung Quốc “xác định và ngăn chặn các nguy

cơ môi trường một cách kịp thời, chỉ đạo các công ty của chúng ta tích cực hoàn thành trách nhiệm xã hội trong việc bảo vệ môi trường, xây dựng một hình ảnh tốt về các công ty Trung Quốc ở nước ngoài và hỗ trợ phát triển bền vững ở các nước chủ nhà.” (Để biết thêm thông tin về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Trung Quốc (CSR) xem Hiện trạng tri thức của CPWF: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong phát triển thủy điện ở Mê Công).

này đã đặt ra sẽ là một phép thử cho những lời hứa thúc đẩy phát triển “cùng thắng” bền vững của Trung Quốc.

Năm 2011, Sinohydro đã xây dựng Khung chính sách Phát triển bền vững, trong đó quy định các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và an ninh theo đúng các tiêu chuẩn quốc tế bao gồm đạt được sự đồng thuận trước, tự nguyện và có thông tin của người bị ảnh hưởng. Các chính sách và tiêu chuẩn này được thực hiện ở mức độ nào ở lưu vực Mê Công thì còn chưa rõ; tuy nhiên, đây là một bước đi hứa hẹn, dù là muộn đối với phát triển thủy điện bền vững của Trung Quốc.

Kết luận: Ban đầu, Trung Quốc theo đuổi chính sách không can thiệp, ít cam kết với các nhà hoạt động và với các biện pháp bảo vệ xã hội và môi trường giới hạn trong luật pháp và chính sách của quốc gia Trung Quốc đầu tư. Gần đây, Trung Quốc đã tham gia vào các cuộc đối thoại cải thiện trên khắp lưu vực Mê Công và củng cố luật pháp bảo vệ môi trường và xã hội của mình cũng như chính sách Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với các dự án quốc tế.

Kết luận chung

Trung Quốc có lợi ích kinh tế và chiến lược lớn ở lưu vực sông Lancang và hạ lưu vực Mê Công, trong đó thủy điện là một thành phần chính. Các nước ở lưu vực sông Mê Công đã đón nhận phát triển thủy điện của Trung Quốc ở lưu vực một cách thận trọng vì họ tìm kiếm đầu tư vào tài nguyên nước và phát triển kinh tế liên quan, đi kèm với các mối quan hệ mạnh mẽ với nhà nước Trung Quốc và các DNNN của Trung Quốc. Tuy nhiên, những đầu tư này bị nhiều tổ chức xã hội dân sự và học viện nghiên cứu chỉ trích vì thiếu bảo vệ xã hội và môi trường. Dù trước đây thiếu cam kết với xã hội dân sự, các viện nghiên cứu và cộng đồng quốc tế và khu vực nhưng Trung Quốc và các DNNN của Trung Quốc có vẻ ngày càng quan tâm nhiều hơn đến rủi ro về danh tiếng và tác động xã hội và môi trường tiềm tàng liên quan đến các dự án cơ sở hạ tầng nước quy mô lớn của mình. Kết quả của những mối quan tâm này là Trung Quốc và các DNNN của Trung Quốc đã ngày càng tham gia vào đối thoại với các quốc gia ở hạ lưu thông qua MRC, ASEAN, NGOs và các diễn đàn như Diễn đàn về Nước, Lương thực và Năng lượng của Chương trình Thách thức Nước và Lương thực Mê Công ở Phnom Penh năm 2011, và ở Hà Nội năm 2012. Ví dụ, HLHC đã sử dụng Nghi thức đánh giá Tính bền vững của thủy điện đối với đập Jinghong và đã trình bày kinh nghiệm này tại Diễn đàn Mê Công về Nước, Lương thực và Năng lượng của CPWF. Sự cam kết liên tục và tăng lên của Trung Quốc với rất nhiều nhà hoạt động và khả năng giữ các DNNN đạt các tiêu chuẩn và hướng dẫn mà nước

Tài liệu tham khảo

- EMTOC.2010. China's 500 Strongest Enterprises was announced and Hongta Group ranks the first in tobacco industry. (2010, September 14). Tobacco Market of China. Retrieved from: <http://www.etmoc.com/eng/looklist.asp?id=178>
- CEP. 2012. Energy Policy. Retrieved from: www.cep.ca/docs/en/policy-917-e.pdf
- China Daily. 2012. Largest hydropower station on Mekong River starts operation. Retrieved from: http://www.chinadaily.com.cn/business/2012-09/07/content_15742514.htm
- Chen, Y.W. 2012. Sino-Thailand Trade and Economic Relations Analysis and Prospect. Paper Presented to First Thai-Chinese Strategic Research Seminar, Bangkok, 24-26.
- Cronin, R. 2012. China and the Geopolitics of the Mekong River Basin: Part 1. World Politics Review. Retrieved from: <http://www.worldpoliticsreview.com/articles/11761/china-and-the-geopolitics-of-the-mekong-river-basin-part-i>
- Dupont, A. 2001. East Asia Imperilled: Transnational Challenges to Security. Cambridge: Cambridge University Press, 2001.
- Goh, E. 2009. China in the Mekong River basin: the regional security implications of resource development on the Lancang Jiang.
- Grumbine, R.; Dore, J. and Xu, J. 2012. Mekong hydropower: Drivers of change and governance challenges. *Frontiers in Ecology and the Environment* 10(2): 91-98.
- Gronholt-Pederson. 2013. Chinese Investment in Myanmar Falls Sharply. *The Wall Street Journal*.
- Halloran, Richard. 1998. China's Decisive Role in the Asian Financial Crisis. Global Beat Issue Brief No. 24. 27 January 1998. CRS Report: The 1997 Asian Financial Crisis. Retrieved from: <http://www.bu.edu/globalbeat/pubs/ib24.html>
- Heng, P. 2012. Cambodia-China Relations: A Positive-Sum Game?. *Journal of Current Southeast Asian Affairs*, 31.
- Hirsch, P. 2010. The changing political dynamics of dam building on the Mekong. *Water Alternatives* 3(2): 312-323.
- Information Office of the State Council 2012. Full text: China's Energy Policy. China Internet Information Center.
- International Rivers. 2012. The New Great Walls: A Guide to China's Overseas Dam Industry. Retrieved from: <http://www.internationalrivers.org/resources/the-new-great-walls-a-guide-to-china%E2%80%99s-overseas-dam-industry-3962>
- Kummu M. and Varis O. 2007. Sediment-related impacts due to upstream reservoir trapping, the Lower Mekong River. *Geomorphology* (85):275-93.
- Kurlantzick, J. 2007. *Charm Offensive: How China's Soft Power is Transforming the World*. New Haven: Yale.
- McDonald, K., Bosshard, P., and Brewer, N. 2009. Exporting dams: China's hydropower industry goes global. *Journal of Environmental Management*, 90, S294-S302.
- Plinston, D. and H. Daming. 1999. Water resources and hydropower. Chapter in: *Policies and Strategies for the Sustainable Development of the Lancang River Basin*, Project TA 3139-PRC. 235-266
- Räsänen, T. A., J. Koponen, et al. 2012. Downstream Hydrological Impacts of Hydropower Development in the Upper Mekong Basin. *Water Resources Management*: 1-19.
- Tong S., and Keng, C. 2010. "China-ASEAN Free Trade Area in 2010: A Regional Perspective", EAI Background Brief no. 519: 7-8.
- Thayer C. 2001. China and ASEAN: Developing Multilateral Cooperation. *Comparative Connections: An E-Journal on East Asian Bilateral Relations*, 3:3:71-9
- The Daily Mail. 2013. China invades India: Tensions mount as platoon of soldiers slip across border to claim disputed territory. Retrieved from: <http://www.dailymail.co.uk/news/article-2318389/Two-Chinese-incursion-leaves-India-verge-crises.html#ixzz2XEUVjC3D>
- The Diplomat. 2013. How Involved is Xi Jinping in the Diaoyu Crisis?. Retrieved from: <http://thediplomat.com/2013/02/08/how-involved-is-xi-jinping-in-the-diaoyu-crisis-3/>
- Urban, F., Benders, R. M. J., and Moll, H. C. 2009. Renewable and low-carbon energy as mitigation options of climate change for China. *Climatic Change*, 94(1-2), 169-188.
- WWF. 2008. Rethinking Investments in Natural Resources: China's Emerging Role in the Mekong Region. Policy Brief. Retrieved from: http://awsassets.panda.org/downloads/final_cc_reportlowres_3.pdf

What is the State of Knowledge (SOK) Series?

The SOK series sets out to evaluate the state of knowledge on subjects related to the impact, management and development of hydropower on the Mekong, including its tributaries. Publications in the series are issued by the CGIAR Challenge Program on Water and Food – Mekong Programme. The series papers draw on both regional and international experience. Papers seek to gauge what is known about a specific subject and where there are gaps in our knowledge and understanding. All SOK papers are reviewed by experts in the field. Each section in a SOK papers ends with a conclusion about the state of knowledge on that topic. This may reflect high levels of certainty, intermediate levels, or low certainty.

The SOK series is available for download from the CPWF Mekong website at <http://mekong.waterandfood.org/>

Citation: Matthews, N. and Motta S. 2013. China's Influence on Hydropower Development in the Lancang River and Lower Mekong River Basin, July 2013. State of Knowledge Series 4. Vientiane, Lao PDR, Challenge Program on Water and Food.

This SOK has been edited by Terry Clayton at Red Plough International Co. Ltd. clayton@redplough.com and proofread by Clare Sandford claresandford@hotmail.co.uk

Design and lay-out by Remy Rossi rossiremy@gmail.com and Watcharapol Isarangkul nong.isarangkul@gmail.com

The Challenge Program on Water and Food was launched in 2002 as a reform initiative of the CGIAR, the Consultative Group on International Agricultural Research. CPWF aims to increase the resilience of social and ecological systems through better water management for food production (crops, fisheries and livestock). CPWF does this through an innovative research and development approach that brings together a broad range of scientists, development specialists, policy makers and communities to address the challenges of food security, poverty and water scarcity. CPWF is currently working in six river basins globally: Andes, Ganges, Limpopo, Mekong, Nile and Volta. More information can be found at www.waterandfood.org.

In the Mekong, the CPWF works to to reduce poverty and foster development by optimizing the use of water in reservoirs. If it is successful, reservoirs in the Mekong will be: (a) managed in ways that are fairer and more equitable to all water users; (b) managed and coordinated across cascades to optimize benefits for all; (c) planned and managed to account for environmental and social needs; (d) used for multiple purposes besides hydropower alone; (e) better governed and the benefits better shared. More information can be found at www.mekong.waterandfood.org.

Want to know more?

Contact us at cpwf.mekong@gmail.com.



